



Thực thi bởi
giz
Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP NĂM 2023

BÁO CÁO TÓM TẮT



CỤC LÂM NGHIỆP
DEPARTMENT OF FORESTRY

Địa chỉ/ address: Số 2 Ngọc Hà, Ba Đình, Hà Nội

Điện thoại/ Tel: 0243.8438792 - Website: <https://cuclamnghiep.gov.vn>

KHỐI RỪNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC, MÀNG XANH, GIZ VIỆT NAM
FOREST AND BIODIVERSITY UNIT, GREEN CLUSTER, GIZ VIET NAM

Địa chỉ/ address: Phòng 021, tầng 2, Tòa nhà Coco, 14 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội.

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP
NĂM 2023**

BÁO CÁO TÓM TẮT

Thông tin Xuất bản

Tài liệu được xuất bản bởi

Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT

Tổ chức hợp tác quốc tế Đức (GIZ) GmbH, thay mặt Bộ Hợp tác kinh tế và Phát triển Cộng hòa liên bang Đức (BMZ)

Văn phòng đăng ký trụ sở GIZ

Bonn và Eschborn, Cộng hòa liên bang Đức

Hợp tác với

USAID

Chỉ đạo nội dung

Ông Phạm Hồng Lượng, Phó cục trưởng, Cục Lâm nghiệp (DoF)

Bà Anja Barth, Cố vấn trưởng dự án, GIZ Việt Nam

Tác giả

PGS TS. Bùi Thị Minh Nguyệt, Trường Đại học Lâm nghiệp

Đóng góp nội dung

Bà Nguyễn Thị Hồng Lý, Trưởng phòng Thông tin và Chuyển đổi số, DoF.

Bà Tô Thị Thu Hương, Cán bộ cấp cao, GIZ Việt Nam

Ông Trần Lê Trà, Phó Giám đốc Hợp phần Quản lý rừng bền vững thuộc Dự án Quản lý rừng bền vững và Bảo tồn Đa dạng sinh học do USAID tài trợ (VFBC)

Ảnh

©GIZ/Bình Đặng trang 6, 9, 10, 11, 12, 13, 14, 16, 17, 18, 19, 21, 22, 25, 27, 29, 30

©GIZ/Phan Thành Tín trang 15, 20

©GIZ/Lê Tất Tiên trang 22

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

Những nội dung, diễn giải, các kết quả phân tích và các khuyến nghị trong tài liệu này dựa trên thông tin do chuyên gia tư vấn, đối tác của GIZ, Cục Lâm nghiệp, và cộng tác viên. Chúng không đại diện cho quan điểm của GIZ hay Cục Lâm nghiệp, Bộ Nông nghiệp và PTNT, BMZ, USAID. Những đơn vị này đều không đảm bảo tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin trong tài liệu này và không chịu trách nhiệm về bất kỳ sai sót, thiếu sót hoặc tổn thất nào do việc sử dụng tài liệu này.

Tháng 1, 2025

LỜI NÓI ĐẦU

Năm 2023 đánh dấu nhiều sự kiện quan trọng của ngành lâm nghiệp nói chung và Cục Lâm nghiệp nói riêng.

Tháng 5/2023, Cục Lâm nghiệp được chính thức tái thành lập trên cơ sở sắp xếp lại từ Tổng cục Lâm nghiệp. Theo Quyết định số 1589/QĐ-BNN-TCCB ngày 19 tháng 4 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, nhiệm vụ quản lý nhà nước của Cục Lâm nghiệp trải rộng trên nhiều lĩnh vực, từ quản lý rừng, phát triển rừng, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong các hệ sinh thái rừng, sử dụng rừng, dịch vụ môi trường rừng; tổ chức sản xuất lâm nghiệp gắn với chế biến và thương mại lâm sản. Có thể nói, ngành lâm nghiệp phải đảm bảo thực hiện thành công cả ba mục tiêu phát triển kinh tế, xã hội và môi trường, đóng góp quan trọng vào mục tiêu phát triển ngành lâm nghiệp thành một ngành kinh tế - kỹ thuật theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, có sức cạnh tranh cao.

Năm 2023 cũng là năm cả nước nỗ lực phục hồi kinh tế sau đại dịch COVID với rất nhiều thách thức về nguồn vốn sản xuất, kinh doanh lâm nghiệp, thị trường lâm sản trong và ngoài nước. Trong bối cảnh đó, ngành Lâm nghiệp đã phối hợp với nhiều bên liên quan, đề xuất và xây dựng nhiều chính sách quan trọng, đưa ra nhiều giải pháp chỉ đạo tháo gỡ, giúp tăng cường nguồn lực đầu tư phát triển ngành, đồng thời đem lại giá trị sản xuất lâm nghiệp đáng khích lệ, đưa toàn ngành vượt qua khó khăn và đóng góp vào tăng trưởng kinh tế - xã hội của cả nước.

Cục Lâm nghiệp xin giới thiệu “Báo cáo kết quả hoạt động của ngành Lâm nghiệp năm 2023”. Đây là báo cáo đầu tiên trong loạt báo cáo hàng năm về kết quả hoạt động của ngành với mục tiêu cung cấp thông tin cho quá trình ra quyết định về kế hoạch, phương án, chính sách phát triển ngành, đồng thời làm cơ sở để giám sát mức độ hoàn thành các mục tiêu chiến lược của ngành Lâm nghiệp qua từng năm, từng giai đoạn.

Cục Lâm nghiệp đánh giá cao các tổ chức, cán bộ, chuyên gia lâm nghiệp đã hỗ trợ Cục hoàn thành Báo cáo này, đặc biệt là Dự án “Nhân rộng quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng ở Việt Nam” do Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế LB Đức (BMZ) tài trợ và Dự án “Quản lý rừng bền vững” do USAID tài trợ. GIZ và DAI phối hợp với Ban Quản lý các Dự án Lâm nghiệp (MBFP) thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn thực hiện.

CỤC TRƯỞNG
CỤC LÂM NGHIỆP

Ký tên



Trần Quang Bảo

CÁC NỘI DUNG CHÍNH CỦA BÁO CÁO

1 SỰ KIỆN NỔI BẬT
NĂM 2023

3 TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
NGÀNH LÂM NGHIỆP
NĂM 2023

2 KẾT QUẢ THỰC HIỆN
CÁC NHIỆM VỤ CỦA
NGÀNH LÂM NGHIỆP
NĂM 2023

4 PHƯƠNG HƯỚNG,
NHIỆM VỤ NĂM
2024-2025

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

BQL	Ban quản lý
BVR	Bảo vệ rừng
BV&PTR	Bảo vệ và phát triển rừng
BMZ	Bộ Hợp tác và Phát triển Kinh tế Liên bang Đức
CP	Chính phủ
CT	Chỉ thị
DOF	Cục Lâm nghiệp (Department of Forestry)
DT	Diện tích
DLST	Du lịch sinh thái
DVMTR	Dịch vụ môi trường rừng
ĐD	Đặc dụng
ĐDSH	Đa dạng sinh học
ERPA	Thỏa thuận chi trả giảm phát thải khí nhà kính vùng Bắc Trung Bộ
HST	Hệ sinh thái
KL	Kết luận
KBT	Khu bảo tồn
NĐ	Nghị định
NN&PTNT	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
NSNN	Ngân sách nhà nước
PH	Phòng hộ
QLBVR	Quản lý bảo vệ rừng
QPPL	Quy phạm pháp luật
SX	Sản xuất
TCCB	Tổ chức cán bộ
TW	Trung ương
USAID	United States Agency for International Development



**SỰ KIỆN NỔI BẬT
CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP
NĂM 2023**

Lần đầu tiên chuyển nhượng thành công các-bon rừng

Lần đầu tiên Việt Nam chuyển nhượng 10,3 triệu tấn các-bon giảm phát thải khí nhà kính từ rừng vùng Bắc Trung Bộ cho Ngân hàng thế giới với tổng giá trị là 51,5 triệu USD, tương ứng 1.200 tỷ đồng. Ngoài ra, ngành Lâm nghiệp cũng đang chuẩn bị các điều kiện cần thiết để triển khai thực hiện Ý định thư về mua bán giảm phát thải ký kết giữa Việt Nam (Bộ NN&PTNT) và Tổ chức tăng cường tài chính lâm nghiệp (Emergent) cho 11 tỉnh vùng Tây Nguyên và Nam Trung bộ, Việt Nam ở mức 5,15 triệu tấn CO₂ với giá tối thiểu là 10 USD/tấn (tương đương 51,5 triệu USD) cho giai đoạn 2022-2026.

01



02

Công tác bảo vệ và phát triển rừng được tăng cường

Diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh đạt 136 nghìn ha/năm, đạt 136% chỉ tiêu, trong đó khoanh nuôi chuyển tiếp chiếm 86%. Diện tích trồng rừng tập trung bằng 113% kế hoạch của Chương trình. Diện tích rừng trồng được chăm sóc bình quân đạt 568 nghìn ha/năm. Trồng cây lâm nghiệp phân tán: 127 triệu cây.



VQG Cát Tiên.

03

Nhiều sáng kiến về tăng cường bảo tồn đa dạng sinh học, cảnh quan và thúc đẩy phát triển du lịch sinh thái tại các vườn quốc gia, khu bảo tồn

Ngành Lâm nghiệp tích cực khuyến khích những người yêu thiên nhiên trong và ngoài nước đến thăm, tham gia các hoạt động du lịch sinh thái và giáo dục môi trường tại 167 Vườn quốc gia và Khu bảo tồn trên cả nước. Doanh thu từ du lịch sinh thái tại các khu rừng liên tục tăng. Năm 2023, các vườn quốc gia và khu bảo tồn đã đón 3,1 triệu lượt khách du lịch, đạt doanh thu 310 tỷ đồng, góp phần tăng nguồn thu cho công tác bảo vệ, phát triển rừng và bảo tồn đa dạng sinh học.

Hợp tác và liên kết được thúc đẩy

Hợp tác và liên kết được thúc đẩy nhằm tạo động lực cho sự phát triển của ngành, qua đó tăng cường thực thi các thỏa thuận quốc tế, hợp tác phát triển sản xuất, thúc đẩy thị trường xuất khẩu lâm sản, tranh thủ nguồn vốn của các chương trình, dự án quốc tế để phát triển lâm nghiệp. Cụ thể: Tiếp tục thực thi 02 Thỏa thuận quốc tế theo kế hoạch năm 2023; Chủ trì và phối hợp với các đơn vị thực hiện 01 công ước; 06 tổ chức quốc tế, cam kết Liên hợp quốc; 09 tổ chức, mạng lưới lâm nghiệp quốc tế và vùng; 07 đầu mối hợp tác khu vực ASEAN; và 04 đầu mối hợp tác song phương; Thực hiện 27 nhiệm vụ HTQT của Cục Lâm nghiệp và các dự án đã được ký kết. Về nguồn vốn huy động để phục vụ trực tiếp cho ngành Lâm nghiệp khoảng 3,0 triệu USD. Bên cạnh đó, Cục Lâm nghiệp tiếp tục vận động, thu hút các dự án trong giai đoạn tiếp theo.

Trong nước, ngành lâm nghiệp đã hợp tác với các doanh nghiệp, hiệp hội để thúc đẩy phát triển các ngành hàng. Bên cạnh đó, việc thu hút người dân, cộng đồng tham gia công tác bảo vệ rừng cũng góp phần thực hiện tốt công tác BV&PTR cũng như thực hiện vai trò xã hội của ngành Lâm nghiệp.

04

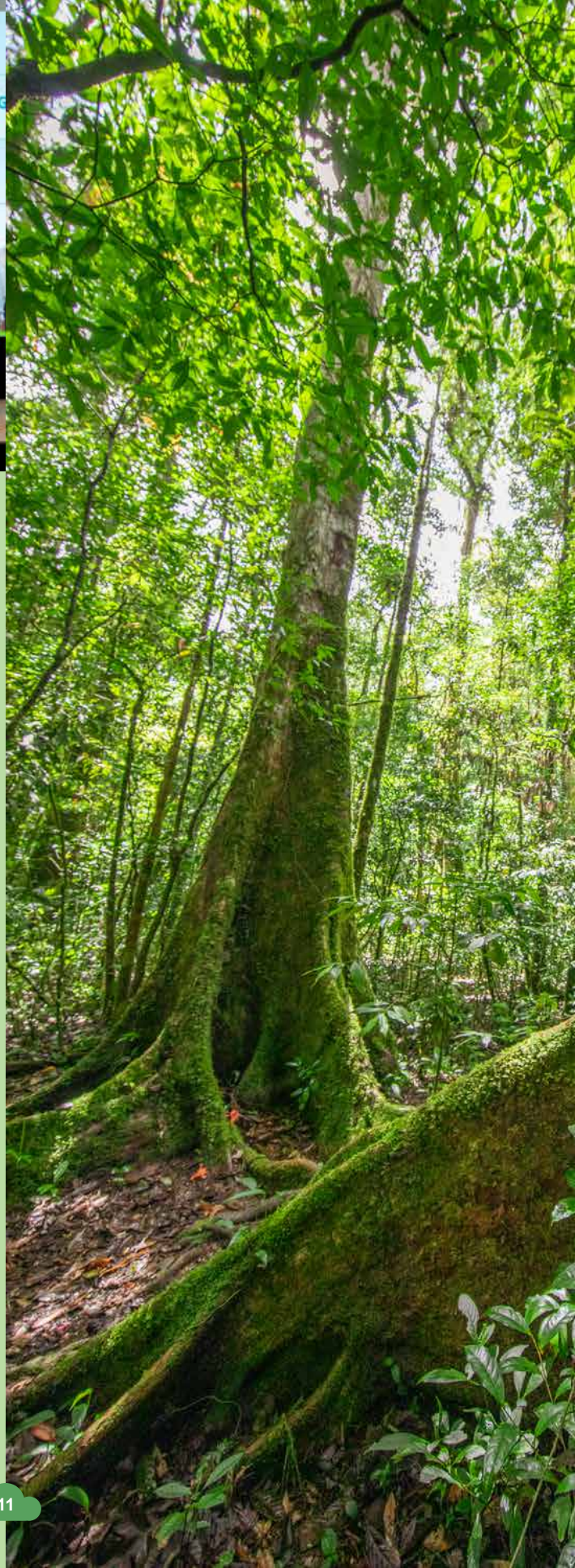





05

Thúc đẩy bình đẳng giới trong lĩnh vực Lâm nghiệp

Trong lĩnh vực lâm nghiệp, bình đẳng giới vẫn còn là một thách thức. Trong bối cảnh này, Cục Lâm nghiệp phối hợp với Tổ chức Hợp tác Quốc tế Đức (GIZ) tổ chức Diễn đàn “Thúc đẩy bình đẳng giới cho phát triển lâm nghiệp bền vững” vào ngày 5-6 tháng 10 năm 2023 tại tỉnh Bình Định, nhằm tăng cường đối thoại, chia sẻ kinh nghiệm và các thực hành tốt về bình đẳng giới trong ngành lâm nghiệp và chế biến gỗ tại Việt Nam. Với sự tham gia của hơn 160 đại biểu đến từ các cơ quan chính phủ, tổ chức phi chính phủ, học viện và khu vực tư nhân, Diễn đàn cung cấp kiến thức, nền tảng về giới để các đại biểu cùng kết nối và tạo dựng mạng lưới giữa các bên liên quan có chung lý tưởng trong ngành. Diễn đàn cũng đưa ra các lộ trình nhằm thúc đẩy bình đẳng giới và tăng cường lợi ích cho phát triển lâm nghiệp bền vững.





**KẾT QUẢ
THỰC HIỆN CÁC
NHIỆM VỤ CỦA
NGÀNH LÂM NGHIỆP
NĂM 2023**

1

KẾT QUẢ XÂY DỰNG, BAN HÀNH CƠ CHẾ CHÍNH SÁCH VÀ CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CHÍNH

1.1. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG, BAN HÀNH CHÍNH SÁCH VÀ VĂN BẢN QPPL TRONG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP

Xây dựng và trình Bộ trưởng Bộ NN và PTNT ban hành 07 Thông tư. Tiếp tục hoàn thiện, tiếp thu, giải trình góp ý của các Bộ, ngành, cơ quan liên quan 05 Nghị định.

1.2. VỀ CÔNG TÁC XÂY DỰNG CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN CHÍNH CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP

Triển khai 03 chương trình của ngành giai đoạn 2021- 2025; tiếp tục triển khai 05 đề án của ngành giai đoạn 2021- 2025; xây dựng và triển khai 03 chương trình, kế hoạch của ngành được phê duyệt năm 2023; xây dựng 05 đề án khác có liên quan.



2

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

2.1. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI, MÔI TRƯỜNG

* VỀ KINH TẾ

Giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt 3,74%/năm, cơ cấu sản xuất lâm nghiệp đã có sự chuyển dịch theo hướng ngày càng nâng cao giá trị gia tăng của chuỗi sản xuất lâm nghiệp.

Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 14,4 tỷ USD¹, giảm 15,8% so với năm 2022. Mặc dù không đạt mục tiêu kế hoạch nhưng giá trị xuất siêu cao đạt khoảng 12,19 tỷ USD.

Năm 2023 đã thu được 4.130 tỷ đồng từ nguồn DVMTR, trong đó có 997 tỷ đồng từ dịch vụ hấp thụ, lưu giữ các-bon rừng, góp phần giảm áp lực chi ngân sách nhà nước, thực hiện chi trả kinh phí để bảo vệ khoảng 7,3 triệu ha rừng, chiếm 49,6% tổng diện tích rừng toàn quốc.

Đã xây dựng, phê duyệt phương án quản lý rừng bền vững trong cả nước đạt 70% về số lượng chủ rừng và 80% về diện tích. Diện tích rừng được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững là 465.000 ha, năm 2023 là 65.000 ha (thấp hơn so kế hoạch), đạt 93,0% mục tiêu của giai đoạn 2021 - 2025.

Giá trị sản xuất lâm nghiệp đạt

3,74% / năm

Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt

14,4 tỷ USD

Thu được

4.310 tỷ đồng
từ nguồn DVMTR



¹ Năm 2023 do thị trường có nhiều biến động bất ổn, bị ảnh hưởng từ xung đột chính trị, người tiêu dùng tại thị trường Hoa Kỳ và EU đang thắt chặt chi tiêu đối với các sản phẩm không thiết yếu, trong đó có các sản phẩm gỗ.

* VỀ XÃ HỘI

Đã giao cho hộ gia đình, cá nhân 3,18 triệu ha (chiếm 21,52% diện tích rừng), cộng đồng dân cư 0,99 triệu ha (chiếm 6,75% diện tích rừng) để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phát triển kinh tế lâm nghiệp. Từ đó góp phần tạo việc làm khoảng trên 5 triệu lao động, cải thiện sinh kế cho khoảng 25 triệu người dân sống gần rừng thông qua hoạt động bảo vệ rừng. Cả nước hiện có trên 500.000 lao động làm việc trong lĩnh vực chế biến lâm sản, trong đó lao động được đào tạo, làm việc ổn định chiếm 55 - 60%. Khoản bảo vệ rừng bình quân khoảng 6,2 triệu ha/năm góp phần tạo nguồn thu nhập và cải thiện sinh kế cho người dân. Ngoài ra, các hộ gia đình, cộng đồng còn được hưởng lợi gián tiếp từ chính sách hỗ trợ phát triển sinh kế cho các công đồng dân cư sống vùng đệm các khu rừng đặc dụng, với mức hỗ trợ 40 - 50 triệu đồng/cộng đồng/năm.

Năm 2023, tổng số hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng được chi trả DVMTR là 240.323 hộ, với số tiền là 587,49 tỷ đồng. Ngoài ra, còn khoảng hơn 40.000 hộ nhận khoản bảo vệ rừng cho các chủ rừng là tổ chức hàng năm.

Giao cho hộ gia đình, cá nhân

3,18 triệu ha

cộng đồng dân cư

0,99 triệu ha

để quản lý, bảo vệ và phát triển rừng

Cả nước hiện có trên

500.000

lao động làm việc trong lĩnh vực chế biến lâm sản

240.323

hộ cá nhân và cộng đồng được chi trả DVMTR



Chăm sóc rừng trồng định hướng rừng trồng gỗ lớn tại tỉnh Bình Định

* VỀ MÔI TRƯỜNG

Thực hiện bảo vệ tốt 14,86 triệu ha diện tích rừng hiện có, đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên;

Tiếp tục duy trì ổn định tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc ở mức 42,02%;

Thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại 167 khu rừng đặc dụng và các khu rừng có tính đa dạng sinh học cao.

Bảo vệ tốt **14,86**
triệu ha diện tích rừng hiện có

Che phủ rừng toàn quốc ở mức
42,02%

Bảo tồn đa dạng sinh học tại

167
khu rừng đặc dụng và các khu rừng có tính đa dạng sinh học cao



Động vật hoang dã tại VQG Cát Tiên.

2.2 KẾT QUẢ THỰC HIỆN THEO CÁC LĨNH VỰC CỦA NGÀNH

2.2.1. QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN

Về quản lý rừng đặc dụng, phòng hộ

Năm 2023 có 7 nhiệm vụ liên quan đến quản lý hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ, các nhiệm vụ đã được thực hiện đầy đủ và đạt một số kết quả tốt;

Thực hiện khôi phục đảm bảo 15% diện tích hệ sinh thái rừng bị suy thoái được phục hồi và bảo tồn, đặc biệt là hệ thống rừng đặc dụng;

Triển khai thực hiện các đề án, chương trình có liên quan như bảo tồn linh trưởng, bảo tồn voi, bảo tồn loài nguy cấp, quý hiếm, tăng cường năng lực cho hệ thống KBT;

Xây dựng chính sách phát triển giá trị dịch vụ HST trong môi trường rừng;

Phát triển hệ thống rừng đặc dụng, đảm bảo theo hướng nâng cao giá trị ĐDSH, đảm bảo đạt tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế;

Thành lập các khu rừng đặc dụng là vườn thực vật quốc gia, Rừng giống quốc gia;

Triển khai phương án quản lý rừng bền vững rừng đặc dụng, phòng hộ;

Xây dựng chính sách hỗ trợ các khu rừng đặc dụng, phòng hộ trong việc triển khai DLST nhằm thu hút nguồn lực xã hội hóa, thu hút nhân lực chất lượng cao để thực hiện cơ chế tự chủ nhằm phát triển sự nghiệp bảo tồn ĐDSH kết hợp phát triển DLST.

7

Nhiệm vụ liên quan đến quản lý hệ thống rừng đặc dụng, phòng hộ được thực hiện và đạt kết quả tốt

15%

diện tích hệ sinh thái rừng bị suy thoái được phục hồi và bảo tồn



Khoan lỗ đo tuổi trên thân cây.



Cây Tung 400 tuổi tại VQG Cát Tiên.



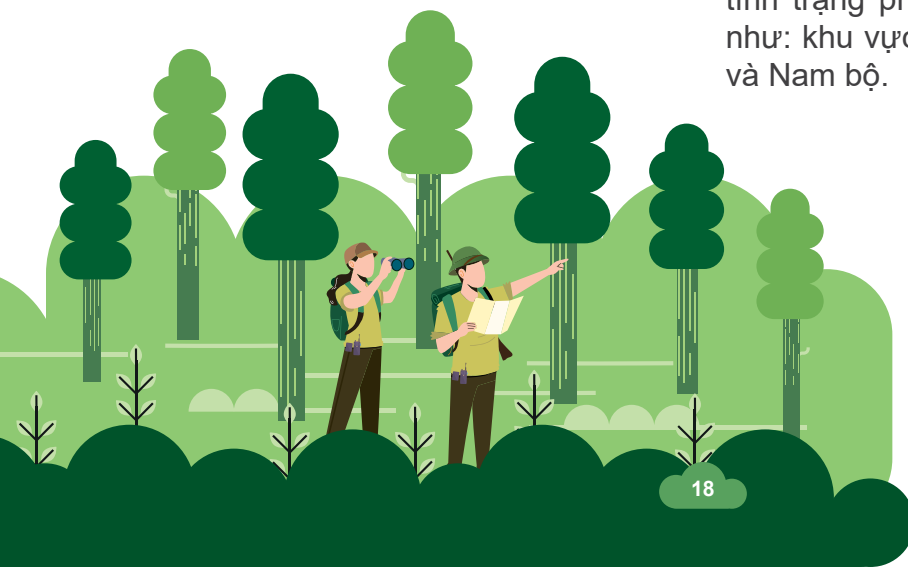
Đi tuần tra bảo vệ rừng, VQG Cát Tiên

Công tác bảo vệ rừng

Tiếp tục thực hiện bảo vệ tốt 14,79 triệu ha diện tích rừng hiện có, đặc biệt là đối với diện tích rừng tự nhiên;

Công tác bảo vệ rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng tiếp tục được các địa phương quan tâm chỉ đạo thực

hiện, số vụ vi phạm pháp luật về lâm nghiệp, diện tích rừng bị thiệt hại đều giảm. Năm 2023, cả nước phát hiện 7.935 vụ vi phạm các quy định của pháp luật về lâm nghiệp, giảm 1.423 vụ (tương ứng giảm 15%) so với cùng kỳ năm 2022, diện tích rừng bị tác động là 1.770,1 ha. Tuy nhiên, vẫn còn một số điểm nóng về tình trạng phá rừng tại một số tỉnh như: khu vực Tây Bắc, Tây Nguyên và Nam bộ.



Công tác bảo tồn thiên nhiên

Thực hiện hiệu quả công tác bảo tồn đa dạng sinh học tại 167 khu rừng đặc dụng (vườn quốc gia, khu dự trữ thiên nhiên, khu bảo tồn loài và sinh cảnh,...), các khu rừng có tính đa dạng sinh học cao;

Triển khai các hoạt động theo Đề án tăng cường năng lực quản lý hệ thống khu bảo tồn đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 626/QĐ-TTg ngày 10/5/2017), Kế hoạch hành động khẩn cấp bảo tồn các loài linh trưởng ở Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn 2030 (Quyết định số 628/QĐ-TTg ngày 10/5/2017), Chương trình Bảo tồn Khẩn cấp bảo tồn voi,...

Công tác cứu hộ, bảo tồn loài được tăng cường. Nhiều loài động, thực vật rừng đã được bảo tồn và cứu hộ như Linh trưởng, Hổ, Voi, Bò tót, Gấu, Tê tê, các loài thú móng guốc, thú ăn thịt nhỏ, các loài dược liệu, các cây gỗ quý.

Về quản lý rừng bền vững và cấp chứng chỉ rừng đối với rừng sản xuất là rừng trồng

Lũy kế đến hết năm 2023, tổng số chủ rừng là tổ chức đã xây dựng, phê duyệt phương án QLRBV trong

cả nước đạt 70% về số lượng chủ rừng và 80% về diện tích. Về cấp chứng chỉ rừng tổng diện tích rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững được lũy kế là 465.000 ha, đạt 93% chỉ tiêu kế hoạch về diện tích đến năm 2025 (500.000 ha), trong đó: Diện tích rừng được cấp theo Hệ thống chứng chỉ rừng quốc gia (VFCS/PEFC): 168.758 ha; diện tích rừng được cấp theo Hệ thống chứng chỉ rừng FSC: 296.242 ha. Một số tỉnh có diện tích cấp chứng chỉ rừng lớn như: Bình Phước: 51.430 ha, Tuyên quang: 43.168 ha, Hà Tĩnh: 27.011 ha, Thanh Hóa: 25.273 ha, Quảng Trị: 21.833 ha, Bình Định: 21.927 ha, Gia Lai: 19.984 ha, Bình Thuận: 14.877 ha, Phú Thọ: 10.433 ha... Năm 2023 có khoảng 65.000 ha rừng có chứng chỉ quản lý rừng bền vững được cấp mới.

xây dựng, phê duyệt phương án QLRBV trong cả nước đạt

70%

về số lượng chủ rừng và

80%

 về diện tích

2.2.2. PHÁT TRIỂN RỪNG

Về công tác giống

Diện tích rừng trồng có kiểm soát và chứng nhận nguồn gốc lô cây con đạt trên 85%. Hàng năm, các địa phương đã chuẩn bị được trên 1 triệu cây giống/năm để phục vụ trồng rừng.

Về khoanh nuôi xúc tiến tái sinh rừng

Tiếp tục triển khai các biện pháp khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên, khoanh nuôi xúc tiến tái sinh tự nhiên có trồng bổ sung. Đến nay, diện tích khoanh nuôi xúc tiến tái sinh đạt 136 nghìn ha/năm, đạt 136% kế hoạch, trong đó khoanh nuôi chuyên tiếp chiếm 86%.

Về trồng rừng

Giai đoạn 2021-2023, diện tích trồng rừng tập trung bình quân đạt 260.400 nghìn ha/năm, năm 2023 đạt khoảng 260.000 ha, bằng mức

bình quân giai đoạn, bằng 113% kế hoạch, trong đó: rừng đặc dụng, phòng hộ đạt 8.700 ha/năm, rừng sản xuất đạt 251.700 ha/năm. Trồng cây phân tán của giai đoạn 2021-2023 đạt 333 triệu cây, bình quân đạt 111 triệu cây/năm (năm 2023 đã trồng 127 triệu cây). Diện tích rừng trồng được chăm sóc bình quân đạt 568 nghìn ha/năm.

Về phát triển lâm sản ngoài gỗ

Ngành Lâm nghiệp đã triển khai thực hiện công tác phát triển lâm sản ngoài gỗ, dược liệu, các chương trình phát triển lâm sản ngoài gỗ có giá trị cao (sâm, dược liệu ...).

Về nâng cao chất lượng rừng

Công tác nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng được cải thiện, năng suất rừng bình quân đạt khoảng 18 m³/ha/năm, đạt 90% so với kế hoạch; nhiều địa phương áp dụng biện pháp thâm canh năng suất đạt từ 35-40 m³/ha/năm.



2.2.3. VỀ SỬ DỤNG RỪNG

Về khai thác gỗ

Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng tập trung đạt 22,37 triệu m³ (giai đoạn 2021-2023 đạt bình quân trên 20,2 triệu m³/năm), đạt 91% so với kế hoạch đến năm 2025. Sản lượng khai thác từ cây trồng phân tán và cao su ước đạt 11,5 triệu m³. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng đã đáp ứng cơ bản nhu cầu nguyên liệu cho ngành công nghiệp chế biến gỗ và thị trường lâm sản.

Đối với rừng tự nhiên, tiếp tục thực hiện chủ trương đóng cửa rừng tự nhiên đến năm 2030, không khai thác gỗ từ rừng tự nhiên.

Về chế biến lâm sản

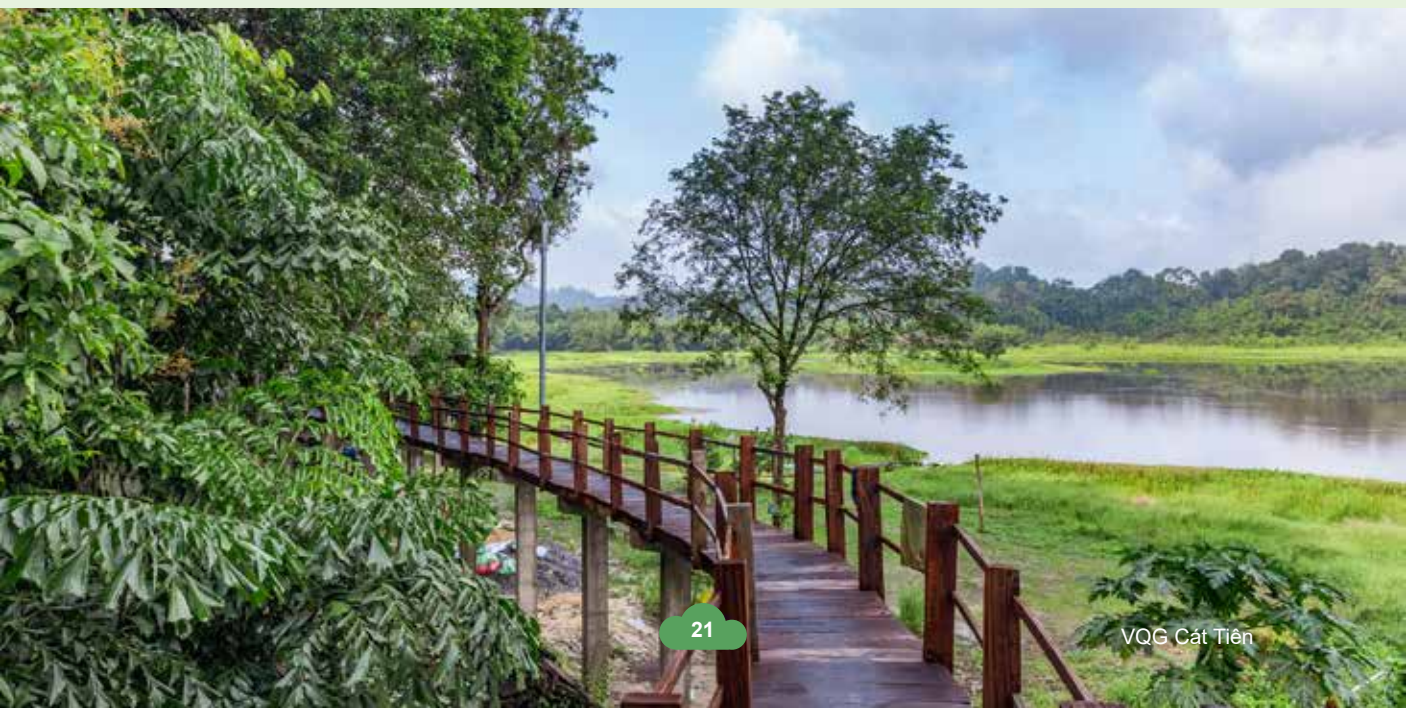
Cả nước có khoảng 6.234 doanh nghiệp chế biến, thương mại gỗ và lâm sản, có 2.600 doanh nghiệp trực tiếp tham gia vào xuất khẩu sản phẩm, trong đó có trên 1.000 doanh nghiệp Việt Nam (chiếm khoảng 70%) đóng góp vào tăng trưởng

xuất khẩu ngành công nghiệp chế biến gỗ và lâm sản. Gỗ và lâm sản Việt Nam đã được xuất khẩu đến hơn 140 quốc gia và vùng lãnh thổ, chiếm trên 90% giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản ngoài gỗ của Việt Nam.

Về lâm sản ngoài gỗ, đẩy mạnh gây trồng, sử dụng, chế biến sâu các sản phẩm lâm sản ngoài gỗ, tập trung vào các nhóm sản phẩm có thể mạnh, có giá trị kinh tế trên cơ sở phát huy lợi thế của các vùng, miền như: phát triển bền vững mắc ca, phát triển sâm Việt Nam, phát triển giá trị đa dụng của hệ sinh thái rừng, ...

Về phát triển du lịch sinh thái

Hiện tại có 61/167 khu rừng đặc dụng tổ chức các hoạt động DLST và hoạt động DLST đã tăng lên cả số khách lẫn doanh thu. Trong hệ thống rừng thì phần lớn doanh thu DLST đến từ các VQG, năm 2023 đã đón 3,1 triệu khách du lịch và doanh thu 310 tỷ đồng.





Rừng PH Đồng Xuân, Phú Yên

Đã có 13 khu cho thuê môi trường rừng để kinh doanh du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí. Doanh thu trực tiếp của chủ rừng hằng năm đạt trên dưới 200 tỷ đồng.

2.2.4. VỀ THƯƠNG MẠI LÂM SẢN

Về xuất khẩu gỗ và lâm sản

Giá trị xuất khẩu gỗ và lâm sản đạt 14,39 tỷ USD, giảm 15,8% so với năm 2022, do thị trường có nhiều biến động bất ổn, bị ảnh hưởng từ xung đột chính trị, người tiêu dùng tại thị trường Hoa Kỳ và EU đang thắt chặt chi tiêu đối với các sản phẩm không thiết yếu, trong đó có các sản phẩm gỗ. Cụ thể: Sản phẩm gỗ: 9,113 tỷ USD, giảm 17,5%; gỗ nguyên liệu: 4,265 tỷ USD, giảm 14,2%; lâm sản ngoài gỗ: 1,012 triệu USD, giảm 6,8%.

Về nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ

Năm 2023 đạt khoảng 2,19 tỷ USD giảm 27,6% so với năm 2022.

Về xuất siêu: năm 2023 đạt 12,2 tỷ USD, giảm so với các năm trước (năm 2021 đạt 12,94 tỷ USD; năm 2022 đạt 14,10 tỷ USD).



3

TÀI CHÍNH LÂM NGHIỆP

3.1. CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH HIỆN CÓ

Bảng 1. Tình hình tài chính ngành Lâm nghiệp 2023

TT	Hạng mục	ĐVT	Năm 2023	Tỷ trọng (%)
	Tổng kinh phí huy động	Tỷ đồng	22.864	100,0
1	Ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	6.435	28,1
1.1	Ngân sách Trung ương		5.019	22
1.2	Ngân sách địa phương		1.416	6,2
2	Nguồn khác	Tỷ đồng	16.429	71,9
2.1	DVMTR truyền thống	Tỷ đồng	3.133	13,7
2.2	Vốn từ tổ chức, cá nhân tự đầu tư	Tỷ đồng	12.299	53,8
2.3	Hỗ trợ quốc tế	Tỷ đồng	#	#
2.4	Sáng kiến mới (DV các-bon rừng)	Tỷ đồng	997,03	4,4

Nguồn: Cục Lâm nghiệp, 2024

Năm 2023, tổng kinh phí huy động là 22.864 tỷ đồng, trong đó Ngân sách Nhà nước là 6.435 tỷ đồng bao gồm cả nguồn ngân sách Trung ương và địa phương (chiếm 28,1% tổng kinh phí huy động), còn lại là nguồn khác.

Đối với nguồn ngân sách Nhà nước

Giai đoạn 2021 - 2025, lĩnh vực Lâm nghiệp được ngân sách nhà nước đầu tư cho 04 hoạt động, bao gồm:

1

Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025 (Chương trình 809). Tổng kinh phí sự nghiệp kinh tế thực hiện giai đoạn 2021-2025 của Chương trình 809 do Bộ quản lý là 621,7 tỷ đồng, trong đó hoạt động Bảo vệ rừng là 211,6 tỷ đồng;

2

Vốn đầu tư công cho lĩnh vực Lâm nghiệp: với 30 dự án đầu tư công được phê duyệt với tổng mức đầu tư là 880,3 tỷ đồng (vốn ngân sách 866,3 tỷ đồng), trong đó đối với VQG với tổng mức đầu tư 270 tỷ đồng;

3

Vốn sự nghiệp khoa học công nghệ lĩnh vực Lâm nghiệp đang triển khai với số vốn là 178,75 tỷ đồng;

4

Tiểu dự án 1 - dự án 3 “Phát triển kinh tế nông, lâm nghiệp bền vững gắn với bảo vệ rừng và nâng cao thu nhập cho người dân” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế-xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 sẽ góp phần bổ sung nguồn kinh phí đáng kể cho ngành Lâm nghiệp (kinh phí phân bổ cho các địa phương năm 2023 là 3.964 tỷ đồng).

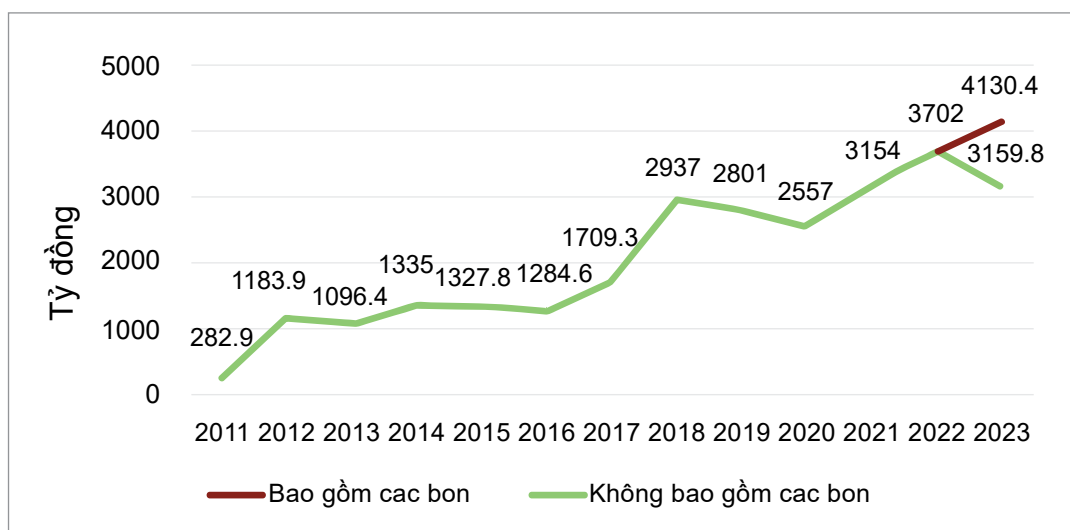


Cánh đồng lúa ở Thần Sa - Phượng Hoàng, Thái Nguyên.

Nguồn dịch vụ môi trường rừng

Giai đoạn 2021 - 2023, thu dịch vụ môi trường rừng bình quân của cả nước đạt 3.650 tỷ đồng/năm. Năm 2023 đạt 4.130,40 tỷ đồng, tốc độ tăng bình quân đạt 17%/năm, đạt 345% so với chỉ tiêu kế hoạch. Trong đó: (1) Thu từ các dịch vụ môi trường rừng từ các cơ sở sản xuất thủy điện, nước sạch, công nghiệp, du lịch sinh thái, nuôi trồng thủy sản,

khác là 3.133 tỷ đồng (trong đó thu từ cơ sở sản xuất thủy điện chiếm 93%); (2) thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon của rừng là: 997,03 tỷ đồng, đây được coi là nguồn sáng kiến mới thực hiện năm 2023. Nguồn tiền từ dịch vụ môi trường rừng đã góp phần quản lý bảo vệ hơn 7,3 triệu ha rừng, chiếm 49,6% tổng diện tích rừng toàn quốc.



Hình 1. Nguồn thu DVMTR giai đoạn 2011- 2023

Năm 2023 ghi nhận dấu mốc quan trọng, khi lần đầu tiên Việt Nam chuyển nhượng 10,3 triệu tấn các-bon giảm phát thải khí nhà kính từ rừng vùng Bắc Trung Bộ cho Ngân hàng thế giới với tổng giá trị là 51,5 triệu USD, tương đương 1.200 tỷ đồng.

Các dự án ODA

Trong giai đoạn từ năm 2020 đến nay, Bộ NN& PTNT đã phê duyệt tổng số 22 dự án nguồn vốn ODA không hoàn lại và nguồn vốn vay ưu đãi do

các đơn vị trực thuộc Bộ làm chủ dự án. Tổng nguồn vốn ODA không hoàn lại: Các nhà tài trợ đã cam kết và được phê duyệt khoảng 153,662 triệu USD tương đương khoảng 3.534 tỷ đồng trong đó: Đức tài trợ khoảng gần 33 triệu, Hoa Kỳ khoảng 35,6 triệu, Hàn Quốc khoảng hơn 9 triệu, Nhật Bản hơn 9 triệu, UNDP gần 5 triệu, WB 51,5 triệu (riêng dự án WB sẽ chi trả dựa vào kết quả về giảm phát thải), Một số dự án từ Tổ chức Động Vật Châu Á (AAF) là 10,5 triệu, WWF hơn 0,5 triệu. Tổng

nguồn vốn vay: Nguồn vốn của WB 65 triệu USD tương đương 1.538 tỷ đồng. Ngoài ra còn phần vốn đối ứng của Việt Nam 843 tỷ đồng cho cả 2 loại dự án. Tuy nhiên, nguồn vốn này được thực hiện theo giai đoạn nên năm 2023 chưa tổng hợp được kết quả thực hiện.

3.2. CÁC NGUỒN TÀI CHÍNH TIỀM NĂNG

Chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp được ban hành (Nghị định 58) quy định thêm nhiều đối tượng được NSNN hỗ trợ kinh phí cho công tác BV&PTR.

Nguồn thu DVMTR được dự đoán sẽ tăng trong các năm tiếp theo, đây là nguồn tài chính quan trọng phục vụ công tác BV&PTR trong giai đoạn hiện nay.

Ý định thư về mua bán giảm phát thải ký kết giữa Việt Nam (Bộ NN&PTNT) và Tổ chức tăng cường tài chính lâm nghiệp (Emergent) cho 11 tỉnh vùng Tây Nguyên và Nam Trung bộ, Việt Nam sẽ chuyển nhượng cho Emergent - cơ quan hành chính của Liên minh giảm phát thải thông qua tăng cường tài chính lâm nghiệp (LEAF) 5,15 triệu tấn CO₂ với giá tối thiểu là 10 USD/tấn (tương đương 51,5 triệu USD) cho giai đoạn 2022-2026.

Ngoài ra còn các khoản kinh phí được quốc tế cam kết hỗ trợ cho Việt Nam.



Động vật hoang dã tại VQG Cát Tiên

4

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024 - 2025

4.1. BỐI CẢNH

Năm 2024 là năm quan trọng để chuẩn bị hoàn thành các nhiệm vụ đặt ra của giai đoạn 2021- 2025. Tuy nhiên, đây là năm có nhiều thuận lợi vì các hoạt động chuẩn bị, các nhiệm vụ đặt ra trong giai đoạn đã được triển khai trong nhiều năm, đặc biệt là công tác xây dựng chính sách, chương trình trọng tâm, bộ máy quản lý ngành được sắp xếp và đi vào ổn định. Nhiều sáng kiến đã được đưa ra từ những năm đầu của giai đoạn dần được hiện thực hóa trên thực tiễn như phát triển dịch vụ các-bon rừng, chính sách đầu tư trong lâm nghiệp, phát triển rừng đa dạng, chính sách đầu tư trong Lâm nghiệp,... Bên cạnh đó, vai trò của rừng, nhận thức của xã hội trong công tác bảo vệ và phát triển rừng đã được nâng cao.

Tuy nhiên, vẫn còn nhiều vấn đề cần tiếp tục giải quyết như nâng cao giá trị của rừng, cải thiện chất lượng rừng, tìm kiếm nguồn đầu tư cho BV&PTR, ứng phó với thiên tai, biến đổi khí hậu, tăng cường thu hút nguồn nhân lực cho các lĩnh vực khác nhau,... cần tiếp tục được quan tâm.

Sự phát triển nhanh chóng của khoa học kỹ thuật, công nghệ số đòi hỏi ngành lâm nghiệp phải nhanh chóng đổi mới, thích ứng. Tuy nhiên với địa bàn rộng, trình độ dân trí sống gần rừng và tham gia hoạt động Lâm nghiệp còn hạn chế là những thách thức rất lớn đối với ngành trong giai đoạn hiện nay. Cùng với đó những thay đổi nhu cầu thị trường về các sản phẩm lâm nghiệp đòi hỏi cần theo kịp với các xu hướng này.

4.2. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHÍNH

Hoàn thiện các văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách mới tạo động lực cho phát triển ngành.

Tiếp tục triển khai hiệu quả Chiến lược phát triển lâm nghiệp, các chương trình, đề án trọng điểm đã được phê duyệt của ngành Lâm nghiệp.

Triển khai Quy hoạch Lâm nghiệp quốc gia giai đoạn 2021- 2030, tầm nhìn đến 2050.

Thúc đẩy các sáng kiến mới để tạo nguồn thu, phát triển du lịch sinh thái gắn với rừng đặc dụng.



Tăng cường công tác quản lý bảo vệ rừng và phòng cháy, chữa cháy rừng.

Duy trì tỷ lệ che phủ rừng toàn quốc ổn định ở mức 42,02%; tiếp tục chỉ đạo thực hiện rà soát chặt chẽ việc thực hiện các dự án chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác.

Nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả rừng trồng sản xuất; thực hiện phục hồi rừng tự nhiên, nuôi dưỡng và làm giàu rừng; phát triển nông lâm kết hợp, lâm sản ngoài gỗ theo hướng sản xuất hàng hóa.

Đẩy mạnh hợp tác quốc tế, huy động nguồn vốn xã hội hóa để phát triển lâm nghiệp.

Phối hợp với các hội, hiệp hội trong việc thúc đẩy, hỗ trợ doanh nghiệp chế biến, xuất khẩu xây dựng thương hiệu; chủ động hội nhập, thực hiện đầy đủ các cam kết quốc tế, hạn chế rào cản kỹ thuật; có biện pháp bảo vệ thị trường nội địa; đẩy mạnh đàm phán và ký kết các hiệp định song phương về thương mại lâm sản với một số thị trường tiềm năng.

Thực hiện đa dạng nguồn vốn, tăng cường huy động vốn từ các nguồn đóng góp hợp pháp của doanh

nh nghiệp và hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng để tăng nguồn lực cho bảo vệ và phát triển rừng; nghiên cứu, thí điểm mở rộng đối với các lĩnh vực có nhiều tiềm năng (du lịch sinh thái, cơ sở sản xuất công nghiệp,...); triển khai hiệu quả dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các-bon rừng,...

Tiếp tục tạo môi trường, điều kiện thuận lợi để nhân rộng các mô hình liên doanh, liên kết, sản xuất lâm nghiệp theo chuỗi giá trị, nhằm thu hút các tổ chức, cá nhân đầu tư, hưởng lợi từ rừng.

Nâng cao năng lực quản lý, đào tạo nguồn nhân lực cho ngành Lâm nghiệp.

Triển khai thực hiện thông tin, truyền thông về công tác quản lý bảo vệ rừng, PCCCR và các hoạt động của lực lượng kiểm lâm, gắn với thực hiện các nhiệm vụ Chính phủ và Bộ giao; tuyên truyền triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách của ngành.

PHỤ LỤC

CÁC KẾT QUẢ CHÍNH ĐẠT ĐƯỢC CỦA NGÀNH LÂM NGHIỆP NĂM 2023

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	KQ năm 2023
I. Về kinh tế			
1. Tốc độ tăng giá trị SX ngành LN	%	5,0-5,5	3,74
2. Giá trị xuất khẩu đồ gỗ và lâm sản	Tỷ USD	17	14,4
3. Trồng rừng tập trung	1000ha	245	260
4. Trồng cây phân tán	Tr. Cây	140	127
5. Sản lượng khai thác gỗ rừng trồng	Tr. m ³	22	20,8
6. Thu dịch vụ môi trường rừng	Tỷ đồng	3.200	4.130
Trong đó, thu từ dịch vụ hấp thụ và lưu giữ các bon của rừng	Tỷ đồng		997
7. Diện tích rừng cấp chứng chỉ	1000 Ha	90	65
8. Năng suất chất lượng rừng trồng	Tr m ³ /ha		18
II. Về xã hội			
1. Tỷ lệ lao động LN được đào tạo nghề	%	9	#
2. Hộ miền núi, dân tộc thiểu số sống ở vùng có tham gia hoạt động SXLN hàng hóa	%	40	#
3. Tạo việc làm, cải thiện sinh kế cho người dân tham gia lâm nghiệp	Tr. Người		20

Chỉ tiêu	ĐVT	KH năm 2023	KQ năm 2023
III. Về môi trường			
1. Tỷ lệ che phủ rừng	%	42,02	42,02
2. Bảo vệ rừng	Tr.ha	14,79	14,79
3. Bảo tồn ĐDSH	Khu	167	167